

Biểu mẫu 07

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND HUYỆN CẦN GIỜ

TRƯỜNG TIỂU HỌC CẦN THẠNH**THÔNG BÁO**

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2023 – 2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp		Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học	20	1,77
1	Phòng học kiên cố	20	1,77
2	Phòng học bán kiên cố	-	-
3	Phòng học tạm	-	-
4	Phòng học nhờ, mượn	-	-
III	Số điểm trường lẻ	-	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	5800	5800
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	3757	3757
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	960	960
2	Diện tích thư viện (m ²)	80	80
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	208	208
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	144	144
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	72	72
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	72	72
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	48	48
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	24	24
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	48	48
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	16	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo		



	quy định		
1.1	Khối lớp 1	4	1
1.2	Khối lớp 2	3	1
1.3	Khối lớp 3	4	1
1.4	Khối lớp 4	3	1
1.5	Khối lớp 5	3	1
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	/	/
2.1	Khối lớp 1	/	/
2.2	Khối lớp 2	/	/
2.3	Khối lớp 3	/	/
2.4	Khối lớp 4	/	/
2.5	Khối lớp 5	/	/
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	40	01 học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	18	4 bộ/lớp
2	Cát xét	5	1
3	Đầu Video/đầu đĩa	/	/
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	3	/
5	Thiết bị khác..	/	/
6	Bảng tương tác + ti vi led	3	/

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	108
XI	Nhà ăn	112

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	402	200	2
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	X		X		192
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Cần Thạnh, ngày 23 tháng 8 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Minh Huệ

